

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG ĐỒNG THÁP



GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC/MÔ ĐUN: THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP
NGÀNH, NGHỀ: QUẢN TRỊ BÁN HÀNG
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG16

(Ban hành kèm theo Quyết định Số: 161.../QĐ-CD-ĐT ngày 15... tháng 6... năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp)

Đồng Tháp, năm 2018

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện hoạt động kinh doanh theo cơ chế thị trường, thông tin là nguồn lực tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy muốn tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp phụ thuộc vào thông tin. Doanh nghiệp phải bảo mật thông tin, nắm bắt thông tin về đối thủ cạnh tranh, thị hiếu của khách hàng, yếu tố đầu vào, đầu ra. Đồng thời, doanh nghiệp cần nắm bắt thông tin liên quan đến sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong và ngoài nước, giúp doanh nghiệp dự đoán định hướng phát triển trong tương lai để từ đó hoạch định chiến lược phát triển, ngăn chặn, khắc phục các rủi ro trong hoạt động kinh doanh của đơn vị

Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu, yêu cầu thực tiễn trang bị các kiến thức cơ bản về thống kê doanh nghiệp cho học sinh, sinh viên khối ngành kinh tế đáp ứng được chương trình khung của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Khoa Kinh tế - Xã hội và Nhân văn trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp biên soạn Giáo trình Thống kê doanh nghiệp (dùng cho trình độ trung cấp và cao đẳng)

Giáo trình được thiết kế gồm 6 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về thống kê doanh nghiệp

Chương 2: Thống kê kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 3: Thống kê lao động, năng suất lao động và tiền lương trong doanh nghiệp

Chương 4: Thống kê tài sản cố định trong doanh nghiệp

Chương 5: Thống kê tài sản lưu động trong doanh nghiệp

Chương 6: Thống kê giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp

Trong quá trình biên soạn, tác giả đã tham khảo nhiều tài liệu liên quan của các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp và cập nhật những kiến thức mới nhất.

Tác giả chân thành cảm ơn các đồng nghiệp đã giúp đỡ trong quá trình biên soạn giáo trình này. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song do lần đầu biên soạn và nguồn tài liệu tham khảo có hạn nên khó tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các đồng nghiệp và bạn đọc để lần tái bản sau giáo trình được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn.

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Tham gia biên soạn

Chủ biên

MỤC LỤC



	TRANG
TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN.....	i
LỜI MỞ ĐẦU.....	ii
MỤC LỤC.....	iii
GIÁO TRÌNH MÔN HỌC.....	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP.....	2
1. Khái niệm thống kê doanh nghiệp.....	2
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
2.1. Các hiện tượng và sự kiện liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.....	2
2.2. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.....	3
3. Cơ sở lý luận và cơ sở phương pháp của thống kê KD.....	4
3.1. Cơ sở lý luận.....	4
3.2. Cơ sở phương pháp luận.....	4
4. Nhiệm vụ của thống kê doanh nghiệp.....	5
5. Phân ngành kinh tế Việt Nam.....	5
5.1. Phân ngành theo khu vực kinh tế.....	5
5.2. Phân ngành theo hình thức sở hữu vốn kinh doanh.....	5
5.3. Phân ngành theo từng ngành kinh tế.....	5
CHƯƠNG 2: THỐNG KÊ KẾT QUẢ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP.....	6
1. Khái niệm, Ý nghĩa và nhiệm vụ của thống kê kết quả sản xuất.....	6
1.1. Các khái niệm.....	6
1.2. Nhiệm vụ của thống kê kết quả sản xuất.....	9
1.3. Ý nghĩa của thống kê kết quả sản xuất trong doanh nghiệp.....	9
2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê kết quả sản xuất trong doanh nghiệp.....	9
3. Phương pháp tính kết quả sản xuất trong doanh nghiệp.....	10
3.1. Phương pháp tính khối lượng sản phẩm vật chất trong doanh nghiệp (tính bằng hiện vật).....	10
3.2. Phương pháp tính giá trị sản xuất trong doanh nghiệp.....	11

4. Thống kê chất lượng sản phẩm.....	18
4.1. Sự cần thiết phải nâng cao chất lượng sản phẩm.....	18
4.2. Thống kê chất lượng sản phẩm có ích của doanh nghiệp.....	19
4.3. Thống kê tỷ lệ sản phẩm hỏng.....	26
5. Phương pháp phân tích thống kê các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.....	27
CHƯƠNG 3: THỐNG KÊ LAO ĐỘNG, NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG TRONG DOANH NGHIỆP.....	29
1. Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của lao động trong DN.....	29
1.1. Một số khái niệm:.....	29
1.2. Ý nghĩa của thống kê lao động trong doanh nghiệp.....	30
1.3. Nhiệm vụ của thống kê lao động trong doanh nghiệp.....	30
2. Thống kê số lượng lao động của doanh nghiệp.....	31
2.1. Phân loại lao động trong đơn vị.....	31
2.2. Các chỉ tiêu thống kê số lượng lao động.....	33
2.3. Thống kê biến động số lượng lao động.....	37
2.4. Thống kê tình hình sử dụng thời gian lao động.....	39
2.5. Kiểm tra thực hiện kế hoạch thời gian hao phí lao động.....	44
3. Thống kê năng suất lao động (NSLĐ).....	45
3.1. Khái niệm NSLĐ.....	45
3.2. Các chỉ tiêu năng suất lao động.....	45
3.3. Các chỉ số năng suất lao động.....	48
3.4. Phân tích sự biến động của năng suất lao động.....	50
4. Thống kê thu nhập của lao động trong doanh nghiệp.....	50
4.1. Khái niệm thu nhập của lao động.....	50
4.2. Cấu trúc thu nhập của lao động trong doanh nghiệp.....	50
4.3. Phân tích tình hình sử dụng quỹ tiền lương.....	50
4.3. Phân tích tình hình sử dụng quỹ tiền lương.....	53
CHƯƠNG 4: THỐNG KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP. 55	55
1. Khái niệm, Ý nghĩa và Nhiệm vụ.....	55
1.1. Khái niệm tài sản cố định.....	55
1.2. Ý nghĩa của việc thống kê tài sản cố định.....	56
1.3. Nhiệm vụ thống kê tài sản cố định.....	56

2. Phân loại và đánh giá tài sản cố định.....	56
2.1. Phân loại tài sản cố định.....	56
2.2 Các hình thức đánh giá tài sản cố định.....	58
3. Thống kê số lượng, kết cấu, hiện trạng TSCĐ trong doanh nghiệp.....	60
3.1. Thống kê số lượng TSCĐ của doanh nghiệp.....	61
3.2. Thống kê kết cấu TSCĐ của doanh nghiệp.....	64
3.3. Thống kê hiện trạng TSCĐ của doanh nghiệp.....	65
4. Thống kê tình hình biến động, trang bị và HQSD TSCĐ.....	66
4.1. Thống kê tình hình biến động TSCĐ.....	66
4.2. Thống kê mức trang bị TSCĐ cho lao động.....	69
4.3. Thống kê hiệu quả sử dụng TSCĐ.....	69
CHƯƠNG 5 THỐNG KÊ TÀI SẢN LƯU ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP.....	76
1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của thống kê tài sản lưu động.....	76
1.1. Khái niệm tài sản lưu động (TSLĐ).....	76
1.2. Ý nghĩa.....	76
1.3. Nhiệm vụ của thống kê tài sản lưu động trong doanh nghiệp.....	77
2. Phân loại tài sản lưu động.....	77
2.1. Phân loại theo các giai đoạn của quá trình kinh doanh.....	77
2.2. Phân loại theo trạng thái tồn tại của TSLĐ.....	77
2.3. Phân loại theo hình thái biểu hiện.....	77
3. Thống kê kết cấu TSLĐ.....	78
4. Thống kê tình hình cung cấp, dự trữ nguyên vật liệu.....	78
4.1. Thống kê tình hình cung cấp.....	78
4.2. Thống kê tình hình dự trữ nguyên vật liệu.....	80
5. Thống kê tình hình sử dụng NVL trong doanh nghiệp.....	83
5.1. Các chỉ tiêu thống kê tình hình sử dụng NVL.....	83
5.2. Kiểm tra tình hình sử dụng khối lượng NVL.....	84
5.3. Phân tích tình hình sử dụng khối lượng NVL.....	85
6. Thống kê tình hình thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho một đơn vị sản phẩm.....	88
6.1. Các chỉ số phản ánh biến động mức tiêu hao NVL cho một đơn vị sản phẩm.....	88

6.2. Phân tích các nhân tố cấu thành trong mức tiêu hao NVL để sản xuất một đơn vị sản phẩm.....	90
CHƯƠNG 6: THỐNG KÊ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP.....	93
1. Khái niệm và ý nghĩa nghiên cứu giá thành sản phẩm.....	93
1.1. Khái niệm về giá thành sản phẩm.....	93
1.2. Ý nghĩa nghiên cứu thống kê giá thành sản phẩm.....	94
1.3. Nhiệm vụ nghiên cứu thống kê giá thành.....	94
2. Phân tích kết cấu giá thành sản phẩm.....	95
2.1. Căn cứ theo nội dung kinh tế:.....	95
2.2. Kết cấu giá thành theo công dụng kinh tế:.....	95
2.3. Kết cấu giá thành theo mối quan hệ sản lượng và chi phí.....	95
2.4. Kết cấu giá thành theo hình thức (phương pháp) hạch toán.....	96
2.5. Kết cấu giá thành theo chi phí cơ bản và chi phí chung.....	96
3. Phân loại giá thành sản phẩm.....	96
3.1. Căn cứ vào tài liệu tính toán:.....	96
3.2. Căn cứ vào phạm vi các chi phí cấu thành.....	97
4. Phân tích thống kê hoàn thành kế hoạch và biến động giá thành sản phẩm....	97
4.1. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch giá thành.....	98
4.2. Phân tích biến động giá thành sản phẩm theo thời gian.....	101
5. Phân tích ảnh hưởng của từng khoản mục chi phí đến giá thành sản phẩm..	103
5.1. Khoản mục nguyên vật liệu (NVL).....	103
5.2. Phân tích khoản mục chi phí nhân công trực tiếp.....	105
5.3. Phân tích khoản mục chi phí chung.....	106
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	109

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

Mã môn học/mô đun: CKT207

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Thống kê doanh nghiệp là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học cơ sở.

- Tính chất: Môn học thống kê doanh nghiệp cung cấp những kiến thức cơ bản, nền tảng về thống kê làm cơ sở cho người học tiếp cận, bổ trợ kiến thức các môn học chuyên môn ngành, nghề.

II. Mục tiêu môn học:

Trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống chỉ tiêu thống kê trong doanh nghiệp, vận dụng phương pháp thống kê vào đánh giá, phân tích các hoạt động trong doanh nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày và phân tích được đối tượng nghiên cứu của thống kê

+ Trình bày được nội dung thống kê kết quả sản xuất kinh doanh, thống kê nguyên liệu vật liệu, tài sản cố định, lao động tiền lương, giá thành và tình hình tài chính trong doanh nghiệp sản xuất.

- Kỹ năng:

+ Thống kê được kết quả sản xuất kinh doanh, tài sản, lao động tiền lương, giá thành, tình hình tài chính trong doanh nghiệp.

+ Ứng dụng được các kiến thức trong môn Thống kê doanh nghiệp vào thực tế sản xuất

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Xác định đúng mục tiêu của môn học

+ Có thái độ học tập nghiêm túc, cẩn thận và chính xác trong luyện tập

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

Mã chương MH12-01

Mục tiêu:

- Xác định được đối tượng và phạm vi nghiên cứu của thống kê
- Trình bày được nhiệm vụ công tác thống kê doanh nghiệp
- Hệ thống hoá được những vấn đề cơ bản của thống kê doanh nghiệp
- Lựa chọn phương pháp thống kê kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu tài liệu

Nội dung chương:

1. Khái niệm thống kê doanh nghiệp.

Thống kê doanh nghiệp là môn học trong hệ thống môn học thống kê, nghiên cứu mặt lượng trong mối liên hệ chặt chẽ với mặt chất của các hiện tượng kinh tế - xã hội số lớn xảy ra trong phạm vi doanh nghiệp và ngoài doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp qua từng thời gian và không gian nhất định.

Thống kê doanh nghiệp là một phân của hạch toán thống kê. Đồng thời là một loại nghiệp vụ chuyên đi sâu nghiên cứu và hoàn thành các phương pháp tính, các hệ thống chỉ tiêu phản ánh toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của thống kê doanh nghiệp là mặt lượng gắn với mặt chất của các hiện tượng và sự kiện xảy ra trong phạm vi doanh nghiệp và những hiện tượng, sự kiện xảy ra bên ngoài doanh nghiệp có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định.

2.1. Các hiện tượng và sự kiện liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Các hiện tượng về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoặc có liên quan đến doanh nghiệp được coi là đối tượng nghiên cứu của thống kê doanh nghiệp bao gồm:

- Các hiện tượng về lao động, tài sản vốn ... sử dụng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Các hiện tượng và sự kiện về nhu cầu tiêu dùng toàn xã hội, về biến động kinh tế.

-Các hiện tượng thiên nhiên tác động đến tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2.2. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là những công việc mà lao động của doanh nghiệp đã tham gia hoàn thành nhằm mục tiêu thỏa mãn nhu cầu của các đối tượng tiêu dùng không tự làm được hoặc không đủ điều kiện tự làm, cuối cùng thu được lợi nhuận.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh là những hoạt động của người lao động sử dụng công cụ lao động tác động vào vật tư nguyên liệu để tạo ra khối lượng sản phẩm vật chất cụ thể có giá trị sử dụng theo mục đích yêu cầu đã đề ra đây là khối lượng hàng hóa do doanh nghiệp làm ra và sẽ được tiêu thụ trên thị trường làm tăng của cải vật chất cho xã hội

- Hoạt động kinh doanh dịch vụ sản xuất là những hoạt động không tạo ra sản phẩm vật chất có giá trị sử dụng theo mục đích yêu cầu. Như những hoạt động gia công bộ phận nào đó của sản phẩm như ra công sơn, xi, đánh bóng, đục lỗ, xay xát, in nhuộm ... chỉ làm gia tăng giá trị sản phẩm. Những hoạt động sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển, sửa chữa nhà cửa tài sản, ..., hoạt động lắp ráp, lắp đặt máy móc thiết bị, hoạt động khảo sát thiết kế, hoạt động thu lợi tưới tiêu, trồng trọt chăn nuôi.

- Hoạt động kinh doanh dịch vụ thương mại là những hoạt động thực hiện chức năng lưu thông phân phối, chuyển hàng hóa từ người sản xuất đến người tiêu dùng. Hoạt động này không tạo ra sản phẩm mới chỉ làm gia tăng giá trị của sản phẩm mua – bán.

- Hoạt động kinh doanh phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng cá nhân và xã hội như hoạt động kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn, hoạt động tài chính tín dụng, giáo dục, y tế, văn hóa thể thao ...

Tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cần hội tụ các yếu tố cơ bản sau:

- Xác định mục đích kinh doanh của doanh nghiệp

- Lựa chọn công nghệ kinh doanh phù hợp với vốn đầu tư lao động vận hành kỹ thuật bảo dưỡng sửa chữa, mức độ tiêu dùng vật tư năng lượng, chất lượng sản phẩm, khả năng cải tạo công nghệ và xu thế phát triển công nghệ trong tương lai.

- Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Xác định thị trường đầu vào và thị trường đầu ra của doanh nghiệp sao cho có lợi nhất.

3. Cơ sở lý luận và cơ sở phương pháp của thống kê KD

3.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của môn học là các học thuyết kinh tế học, kinh tế chính trị, của chủ nghĩa duy lịch sử của chủ nghĩa Mác Lênin và kinh tế thị trường. Các môn khoa học này nghiên cứu các phạm trù kinh tế, bản chất và tính quy luật chung về sự phát triển kinh tế - xã hội.

Ngoài ra, thống kê còn là công cụ phục vụ công tác quản lý, vì vậy phải lấy đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước làm cơ sở lý luận.

3.2. Cơ sở phương pháp luận

Cơ sở phương pháp luận của thống kê doanh nghiệp là chủ nghĩa duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin, lý thuyết xác suất, lý thuyết thống kê.

-Phép duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin đề ra phương pháp quan sát và nhận thức sự vật tồn tại của xã hội một cách thực tế khách quan.

-Lý thuyết xác suất, lý thuyết thống kê đề ra phương pháp thu thập dữ liệu, tính toán các chỉ tiêu, phân tích, đánh giá tình hình và dự báo thống kê ...

Điều đó được thể hiện trên các phương diện sau:

- Phải phân tích và đánh giá quá trình hoạt động của doanh nghiệp trong trạng thái động.

- Xem xét các mặt, các hoạt động, các quá trình kinh doanh của doanh nghiệp trong mối quan hệ biện chứng, quan hệ nhân quả.

- Xây dựng các phương pháp đo lường, các chỉ tiêu và các công thức tính toán mang tính hệ thống, logic, ...

4. Nhiệm vụ của thống kê doanh nghiệp

Thống kê doanh nghiệp là một môn khoa học thống kê để phục vụ cho công tác quản lý của doanh nghiệp, do đó môn học này thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Thống kê phân tích tình hình sử dụng và hiệu quả sử dụng các yếu tố cơ sở vật chất, vốn, lao động, nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ở từng thời kỳ.

- Thu thập thông tin phản ánh tình hình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, thống kê phân tích giá thành, giá bán và xác định mức cầu thị trường, để điều chỉnh kế hoạch sản xuất cho thích hợp.

- Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê, phân tích các mặt hoạt động, hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thống kê tổng hợp và xử lý thông tin đã thu thập, làm cơ sở ứng dụng thống kê trong công tác quản lý doanh nghiệp.

5. Phân ngành kinh tế Việt Nam.

5.1. Phân ngành theo khu vực kinh tế

Bao gồm các doanh nghiệp:

- Khu vực I: các ngành khai thác sản phẩm tự nhiên.

- Khu vực II : chế biến các sản phẩm tự nhiên.
- Khu vực III: các ngành dịch vụ sản xuất và phi sản xuất.

5.2. Phân ngành theo hình thức sở hữu vốn kinh doanh

Bao gồm các doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp quốc doanh
- Doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Doanh nghiệp liên doanh

5.3. Phân ngành theo từng ngành kinh tế

Bao gồm các ngành:

- Ngành công nghiệp: Doanh nghiệp dầu khí, đóng tàu ...
- Ngành xây dựng: Doanh nghiệp khảo sát thiết kế ...
- Ngành nông nghiệp: Doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, thú y ...

CHƯƠNG 2

THỐNG KÊ KẾT QUẢ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP

Mã chương MH12-02

Mục tiêu:

- Mô tả được những khái niệm cơ bản liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- Phân tích được hệ thống chỉ tiêu thống kê kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và phương pháp tính
- Trình bày được nội dung thống kê chất lượng sản phẩm
- Giải thích được phương pháp phân tích thống kê nhân tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp
- Thống kê và tính được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- Thống kê và đánh giá được chất lượng sản phẩm trong doanh nghiệp
- Đánh giá được các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- Đánh giá được kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đó có những đề xuất cụ thể cho doanh nghiệp
- Có ý thái độ nghiêm túc trong học tập
- Cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong luyện tập

Nội dung chương:

1. Khái niệm, Ý nghĩa và nhiệm vụ của thống kê kết quả sản xuất

1.1. Các khái niệm

1.1.1 Hoạt động sản xuất:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của một đơn vị là việc sử dụng các yếu tố đầu vào để sản xuất ra những sản phẩm vật chất và sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng cho mục đích cung cấp sản phẩm cho xã hội và thu lợi nhuận.

Phân biệt hoạt động sản xuất tự cấp, tự túc với hoạt động sản xuất kinh doanh của một đơn vị là điều kiện cần thiết để đảm bảo độ chính xác của các thông tin thống kê. định trước của nhà sản xuất.

Điểm giống nhau:

Sử dụng các yếu tố đầu vào để sản xuất ra sản phẩm vật chất và phi vật chất nhằm đáp ứng cho mục đích đã đề ra.

Điểm khác nhau:

Sản xuất tự cấp, tự túc	Sản xuất kinh doanh
- Thỏa mãn nhu cầu của người sử dụng	- Thu lợi nhuận tối đa
- Qui mô sản xuất nhỏ	- Qui mô sản xuất tùy thuộc vào nhu cầu của thị trường và nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp
- Không cần so sánh về chất lượng, mẫu mã, hình thức.	- Luôn quan tâm đến so sánh chất lượng, mẫu mã với các doanh nghiệp khác
- Không cần phải được xã hội thừa nhận	- Phải được xã hội thừa nhận
- Không cần phải hạch toán kinh tế	- Luôn tiến hành hạch toán kinh tế
- Không cần quan tâm đến thông tin giá cả thị trường	- Luôn quan tâm đến thông tin giá cả thị trường

1.1.2. Kết quả sản xuất

Kết quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp là những sản phẩm dịch vụ mang lại lợi ích tiêu dùng xã hội. Những sản phẩm dịch vụ này phải phù hợp với lợi ích kinh tế và trình độ văn minh của tiêu dùng xã hội, được người tiêu dùng chấp nhận.

Từ đây cho thấy, kết quả sản xuất của doanh nghiệp phải thỏa mãn các yêu cầu:

- Kết quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp phải do lao động sản xuất của doanh nghiệp làm ra, có đủ tiêu chuẩn chất lượng pháp lý, theo yêu cầu sử dụng và hưởng thụ đương thời.

- Đáp ứng được một yêu cầu tiêu dùng cụ thể của cá nhân hoặc cộng đồng. Do vậy, sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp phải có giá trị sử dụng và hưởng thụ. Mức độ giá trị sử dụng của sản phẩm dịch vụ luôn phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế, khoa học công nghệ và văn minh xã hội.

- Kết quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp phải đảm bảo lợi ích của người tiêu dùng và doanh nghiệp. Do vậy, chất lượng sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp không vượt quá giới hạn lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp và người tiêu dùng chấp nhận được. Lợi ích của doanh nghiệp thể hiện chi phí nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ không vượt quá giá kinh doanh của sản phẩm dịch vụ trên thị trường. Lợi ích của người tiêu dùng thể hiện ở khả năng thanh toán khi mua hàng và tiết kiệm trong quá trình sử dụng sản phẩm dịch vụ.

- Kết quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp phải mang lại lợi ích kinh

tế chung cho tiêu dùng xã hội. Mức tiết kiệm biểu hiện bằng kết quả tiếp nhận, bằng tiết kiệm chi phí tiền của, thời gian sử dụng sản phẩm dịch vụ, bằng giảm thiệt hại cho môi trường, môi sinh của xã hội. Khi xem xét, nghiên cứu kết quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

- + Kết quả hoạt động sản xuất phải là kết quả của lao động sản xuất của doanh nghiệp làm ra trong kỳ. Do vậy, các doanh nghiệp không tính vào kết quả sản xuất của doanh nghiệp những kết quả thuê ngoài, nhưng doanh nghiệp được tính vào kết quả của doanh nghiệp các hoạt động làm thuê cho bên ngoài. Chỉ tính các kết quả đã hoàn thành trong kỳ báo cáo.

- + Được tính toàn bộ sản phẩm dịch vụ làm ra trong kỳ báo cáo bao gồm sản phẩm dịch vụ của tất cả các công đoạn sản xuất kinh doanh.

- + Chỉ tính những sản phẩm dịch vụ đủ tiêu chuẩn nằm trong khung chất lượng hợp tiêu chuẩn.

Kết quả hoạt động sản xuất là mục tiêu mọi hoạt động trong kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả này được biểu thị bằng hệ thống chỉ tiêu (hiện vật, giá trị) sau:

- Với hệ thống chỉ tiêu hiện vật (hiện vật quy ước) là sản lượng sản phẩm dịch vụ (theo loại sản phẩm và dịch vụ)

- Với chỉ tiêu giá trị là doanh thu kinh doanh các sản phẩm dịch vụ.

Tóm lại:

Kết quả sản xuất của doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đúng mục đích sản xuất và chất lượng theo quy định.
- Kết quả là do doanh nghiệp tạo ra từ hoạt động sản xuất.
- Là sản phẩm vật chất.
- Đối với sản phẩm phi vật chất (sản phẩm dịch vụ) được biểu hiện bằng đơn vị giá trị.

1.2. Nhiệm vụ của thống kê kết quả sản xuất

Để thống kê kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp cần giải quyết các nhiệm vụ cơ bản sau:

- + Xác định được khái niệm sản phẩm của từng ngành kinh tế và phân loại các sản phẩm đó theo các tiêu thức phù hợp, để có thể xác định đúng kết quả sản xuất của từng doanh nghiệp, từng ngành, tránh tình trạng xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trùng lặp hoặc bỏ sót kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

- + Xác định kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua những mục tiêu, kế hoạch sản xuất như chất lượng sản phẩm sản xuất, số lượng sản phẩm sản xuất và tiêu thụ

+ Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp qua các thời kỳ qua các chỉ tiêu.

1.3. Ý nghĩa của thống kê kết quả sản xuất trong doanh nghiệp

Thống kê kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý kinh tế. Bất kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được tiến hành trong những điều kiện như thế nào cũng có những tiềm ẩn, những khả năng tiềm tàng chưa phát hiện. Do đó, thông qua thống kê hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp mới phát hiện và khai thác triệt để, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở đó, đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp đề ra; đồng thời đánh giá khả năng trình độ tổ chức sản xuất và quản lý việc sử dụng các yếu tố sản xuất.

2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê kết quả sản xuất trong doanh nghiệp

- Khối lượng sản phẩm vật chất trong năm.
- Giá trị sản xuất của doanh nghiệp.
- Giá trị gia tăng của doanh nghiệp.
- Tổng doanh thu của doanh nghiệp.

3. Phương pháp tính kết quả sản xuất trong doanh nghiệp

3.1. Phương pháp tính khối lượng sản phẩm vật chất trong doanh nghiệp (tính bằng hiện vật).

Các đơn vị dùng để biểu hiện kết quả sản xuất của các doanh nghiệp dựa trên cơ sở thang đo định danh như đơn vị hiện vật, hiện vật kép.

Đơn vị hiện vật, hiện vật kép bao hàm một lượng giá trị sử dụng của một sản phẩm. Lượng giá trị sử dụng này được đo bằng một đơn vị hiện vật thông thường như: mét, kg, lít, chiếc, cái, đôi ... và đơn vị kép như: kw/h, tấn/giờ, người/km ... Mỗi đơn vị sản phẩm cho ta một khái niệm về sử dụng sản phẩm trong tiêu dùng.

Chỉ tiêu sản phẩm hiện vật chỉ dùng cho một loại sản phẩm có cùng qui cách. Đối với sản phẩm cùng loại nhưng khác nhau về qui cách để tổng hợp thống kê sử dụng sản lượng tính theo đơn vị qui ước.

Cách qui đổi:

Lượng sản phẩm qui ước = $\sum(\text{lượng SPHV} \times \text{hệ số qui đổi})$

$$Q_{qr} = \sum(q_i \times h_i)$$

q_i : sản lượng theo từng thứ hạng, quy cách tính bằng hiện vật

Đặc tính của sản phẩm cần qui đổi

$$h_i = \frac{\text{Đặc tính của sản phẩm cần qui đổi}}{\text{Đặc tính của sản phẩm được chọn làm đơn vị tiêu chuẩn}}$$

Đặc tính của sản phẩm được chọn làm đơn vị tiêu chuẩn

Ví dụ: Có số liệu về tình hình SX của nhà máy Điện cơ trong tháng như sau:

Động cơ điện	Kế hoạch	Thực hiện
Công suất 3 Kw	110	110
Công suất 6 Kw	42	23
Công suất 18 Kw	24	25
Công suất 54 Kw	10	11

Yêu cầu: Đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch sản lượng động cơ điện theo phương pháp hiện vật qui ước.

Để tính sản lượng quy ước của tất cả các loại động cơ điện ta chọn loại động cơ điện công suất 3 kW làm tiêu chuẩn và tính các loại còn lại theo động cơ điện tiêu chuẩn đó:

Ta có:

Động cơ điện các loại	HSQĐ	Sản lượng hiện vật		Sản lượng hiện vật quy ước	
		KH	TH	KH	TH
Công suất 3 Kw	1	110	110	110	110
Công suất 6 Kw	2	42	23	84	46
Công suất 18 Kw	6	24	25	144	150
Công suất 54 Kw	18	10	11	180	198
Cộng				518	504

$$Q_{quTH} / Q_{quKH} = \frac{504}{518} = 0,97$$

$$Q_{quTH} - Q_{quKH} = 504 - 518 = -14$$

Căn cứ vào số liệu tính toán được tòa thấy: Sản lượng hiện vật quy ước thực tế chỉ hoàn thành 97 % kế hoạch sản lượng, hụt so với mức kế hoạch 3%, tương đương 14 động cơ điện loại 3 kW.

3.2. Phương pháp tính giá trị sản xuất trong doanh nghiệp

3.2.1 Nguyên tắc tính giá trị sản xuất.

Giá trị sản xuất của doanh nghiệp là giá trị toàn bộ của cải vật chất và dịch vụ do doanh nghiệp tạo ra trong một thời kỳ nhất định.

Để tính giá trị sản xuất cần quán triệt một số nguyên tắc chung sau đây:

-Phản ánh đúng và đủ giá trị sản phẩm: phản ánh đầy đủ các thành phần tạo giá trị sản phẩm, kể cả giá trị lao động quá khứ, giá trị lao động sống và giá trị giá trị mới tạo thêm (c,v và m).

Giá thực tế của sản phẩm bao gồm: giá nhân tố, giá cơ bản, giá sản xuất, giá sử dụng cuối cùng.

Giá nhân tố: bao gồm chi phí trung gian, thu nhập lần đầu của người lao động, thặng dư sản xuất và khấu hao tài sản cố định.

Giá cơ bản: là giá bán buôn của doanh nghiệp, bao gồm giá nhân tố và thuế sản xuất khác trừ trợ cấp.

Giá sản xuất là giá người sản xuất bán, tương đương một giá bán buôn công nghiệp trước đây. Giá này bao gồm giá cơ bản và thuế sản xuất trừ trợ cấp.

Giá sử dụng cuối cùng là giá người tiêu dùng phải trả, giá này bằng giá sản xuất cộng với chi phí lưu thông (phí thương nghiệp và cước).

- Chỉ tính kết quả đã hoàn thành trong kỳ báo cáo. Kết quả sản xuất của doanh nghiệp được tính cho từng thời kỳ nhất định, kết quả của thời kỳ nào tính cho thời kỳ đó. Đối với sản phẩm dở dang chỉ được tính chênh lệch giữa cuối kỳ và đầu kỳ.

- Được tính toàn bộ kết quả doanh nghiệp tạo ra trong kỳ báo cáo. Kể cả sản phẩm tiêu dùng nội bộ, sản phẩm chính, sản phẩm phụ đã sản xuất trong kỳ.

- Chỉ tính những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng nhất định.

3.2.2 Phương pháp tính giá trị sản xuất từng ngành.

3.2.2.1 Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp bao gồm:

- Giá trị sản phẩm trồng trọt:

+ Giá trị sản phẩm chính của trồng trọt như: lúa, bắp, khoai, sắn, các cây hoa màu lương thực khác; các loại cây nông nghiệp ngắn ngày và dài ngày; các loại cây ăn quả; các loại cây dược liệu; các loại cây rau; đậu, hoa, gia vị ...

+ Giá trị sản phẩm phụ của các loại cây trồng như: rơm, rạ, thân cây bắp, lá mía, dây khoai lang ... thực tế có thu hoạch và được sử dụng trong năm.

- Giá trị sản phẩm chăn nuôi:

+ Giá trị trọng lượng tăng thêm trong năm của đàn gia súc, gia cầm, không bao gồm đàn gia súc cơ bản như nai sản sinh, đực giống, gia súc nuôi lấy sữa, lấy lông ...

+ Giá trị sản phẩm thu được trong quá trình chăn nuôi không qua giết thịt như: trứng, sữa ..., các sản phẩm tận thu như: sừng, da, lông ... của gia súc chết

+ Giá trị sản phẩm chăn nuôi các vật nuôi khác như: mật ong, kén tằm, nhộng tằm ...

+ giá trị sản phẩm phụ của chăn nuôi như: phân gia súc, gia cầm, phân tằm, ... thực tế thu lại và sử dụng trong năm.

- Giá trị sản phẩm lâm nghiệp:

+ Giá trị công việc khai thác gỗ và lâm sản trên rừng trồng và rừng tự nhiên do doanh nghiệp quản lý.

+ Giá trị công việc trồng mới, chăm sóc tu bổ rừng tự nhiên và rừng trồng do doanh nghiệp thực hiện.

+ Giá trị hoạt động lâm nghiệp khác như: ươm cây, lai tạo giống, quản lý và bảo vệ rừng và thu lượm các lâm sản như: nấm, măng ...

- Chênh lệch giá trị sản phẩm dở dang của trồng trọt, chăn nuôi và lâm nghiệp cuối kỳ so với đầu kỳ.

- Giá trị các hoạt động dịch vụ sản xuất mà doanh nghiệp làm thuê cho bên ngoài.

- Tiền thu được do cho thuê máy móc thiết bị thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp.

3.2.2.2 Giá trị sản xuất ngành thủy sản

- Giá trị sản phẩm thủy sản đánh bắt, khai thác ở biển như: cá tôm, mực ngêu, sò, ngọc trai, và sản phẩm đánh bắt ở sông, ao, hồ đầm nước ngọt.

- Giá trị sản phẩm thủy sản nuôi trồng ở các vùng nước.

- Giá trị các công việc sơ chế như: ướp lạnh, ướp đông, phơi khô thủy sản để bảo quản trước khi bán.

- Giá trị các công việc ươm, nhân giống thủy sản.

- Chênh lệch về giá trị của các sản phẩm dở dang.

3.2.2.3 Giá trị sản xuất ngành công nghiệp

Nguyên tắc tính:

- Tính theo phương pháp công xưởng, lấy đơn vị có hạch toán độc lập làm đơn vị để tính toán.

- Chỉ được tính kết quả trực tiếp, cuối cùng của hoạt động sản xuất công nghiệp trong đơn vị hạch toán độc lập.

Nội dung tính:

- Giá trị thành phẩm đã sản xuất trong kỳ bằng nguyên vật liệu của doanh nghiệp, hoặc người đặt hàng mang đến.

- Giá trị của những bán thành phẩm, vật bao bì đóng gói, phụ tùng do hoạt động sản xuất của công nghiệp của doanh nghiệp tạo ra, đã xuất bán ra ngoài doanh nghiệp, hoặc cho các bộ phận khác không phải là hoạt động công nghiệp của doanh nghiệp nhưng có hạch toán riêng và những phế phẩm, phế liệu, thứ phẩm đã tiêu thụ được trong kỳ.

- Giá trị chênh lệch giữa cuối kỳ và đầu kỳ của bán thành phẩm, sản phẩm dở dang.

- Giá trị các công việc có tính chất công nghiệp làm thuê cho bên ngoài đã hoàn thành trong kỳ.

- Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp.

3.2.2.4 Giá trị sản xuất ngành xây dựng

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm xây lắp.

+ Giá trị những công trình mới xây dựng.

+ Giá trị sản xuất công tác lắp đặt thiết bị máy móc.

- Chênh lệch giữa số dư cuối kỳ và đầu kỳ về chi phí xây dựng dở dang.

- Khoản thu do bán những phụ liệu, sản phẩm hỏng, phế thải trong sản xuất tạo ra (chỉ tính khi đơn vị bán ra thu được tiền).

-Khoản thu do có phương tiện xe máy thi công cho bên ngoài thuê.

-Giá trị sản xuất của hoạt động khảo sát thiết kế.

-Giá trị sản xuất công tác sửa chữa nhà cửa, vật kiến trúc.

-Doanh thu phụ không có điều kiện tách bóc.

3.2.2.5 Giá trị sản xuất ngành thương nghiệp

Được tính bởi 1 trong 2 phương pháp sau:

-Phương pháp 1:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị sản xuất} & & \text{Doanh số} & & \text{Trị giá vốn} & & \\ \text{hoạt động} & = & \text{bán ra} & - & \text{hàng bán ra} & - & \text{Hao hụt} \\ \text{thương nghiệp} & & \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \end{array}$$

-Phương pháp 2:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị} & & \text{Tổng chi} & & \text{Kết quả} & & \\ \text{sản xuất} & & \text{phí lưu} & + & \text{sản} & + & \\ \text{hoạt} & = & \text{thông} & & \text{xuất} & + & \text{Thuế} \\ \text{động} & & \text{thực hiện} & & \text{(lãi, lỗ)} & & \text{sản} \\ \text{thương} & & & & & & \text{xuất} \\ \text{nghiệp} & & & & & & \text{Bảo} \\ & & & & & & \text{toàn} \\ & & & & & & \text{vốn} \\ & & & & & & \text{Hao} \\ & & & & & & \text{hụt} \end{array}$$

3.2.2.6 Giá trị sản xuất ngành vận tải, kho bãi

Nguyên tắc tính:

-Tính đầy đủ tất cả các hoạt động về giao thông vận tải với mọi hình thức phương tiện.